

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới An Thịnh,  
huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2045**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch xây dựng nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt nhiệm vụ, kinh phí khảo sát, lập quy hoạch chung xây dựng xã An Thịnh, huyện Văn Yên đến năm 2035;*

*Căn cứ Văn bản số 5263/BXD-QHKT ngày 17/11/2023 của Bộ Xây dựng về việc góp ý đồ án Quy hoạch chung đô thị mới An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2035;*

*Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 3028/BC-SXD ngày 13/12/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2045, với các nội dung như sau:

**1. Tên đồ án quy hoạch:** Quy hoạch chung đô thị mới An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2045;

**2. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch**

**2.1. Vị trí:** Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã An Thịnh (diện tích 2.660,89 ha).

**2.2. Ranh giới:** Phía Bắc giáp xã Mậu Đông và xã Tân Hợp; Phía Nam giáp xã Đại Sơn, Đại Phác, Yên Phú, Yên Hợp; Phía Đông giáp thị trấn Mậu A và xã Yên Hợp; Phía Tây giáp xã Tân Hợp và xã Đại Sơn.

**3. Thời hạn quy hoạch:** Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn đến năm 2045.

**4. Tính chất và quy mô của đồ án**

**4.1. Tính chất:** Là đô thị theo định hướng phát triển của huyện Văn Yên giai đoạn 2025-2045 có nhiều thế mạnh về giao thông, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ nằm trong Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030.

**4.2. Quy mô**

- Quy mô diện tích lập quy hoạch 2.660,89ha được xác định trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Quy mô dân số năm 2021 là 9.920 người; quy mô dân số toàn xã dự báo đến năm 2030 khoảng 13.323 người; đến năm 2045 khoảng 24.275 người.

**5. Mục tiêu của đồ án**

- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021.

- Xây dựng chiến lược phát triển, định hướng không gian, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và phát triển đô thị An Thịnh trở thành đô thị loại V giai đoạn đến năm 2025, phát triển theo hướng bền vững, phòng tránh thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, kiểm soát phát triển đô thị và quản lý cơ sở hạ tầng, tạo lập môi trường sống thích hợp, đảm bảo kết hợp hài hòa giữa chức năng đất ở, sản xuất, dịch vụ, du lịch, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và quốc phòng an ninh.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các khu chức năng theo quy hoạch.

- Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị tỉnh Yên Bái phát triển bền vững, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; có sắc thái kiến trúc đô thị riêng và môi trường, chất lượng sống tốt; có vị thế và tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, khu vực và quốc tế.

## 6. Quy hoạch sử dụng đất theo yêu cầu phát triển các giai đoạn

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Đến năm 2030		Đến năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2660,89</b>	<b>100,00</b>	<b>2660,89</b>	<b>100,00</b>
<b>A</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>180,08</b>	<b>6,77</b>	<b>269,67</b>	<b>10,13</b>
1	Đất ở	83,33	3,13	142,13	5,34
2	Đất giáo dục	6,89	0,26	8,06	0,30
2.1	Trường mầm non	0,79	0,03	0,79	0,03
2.2	Trường tiểu học	1,22	0,05	2,39	0,09
2.3	Trường THCS	2,00	0,08	2,00	0,08
2.4	Trường THPT	2,88	0,11	2,88	0,11
3	Đất dịch vụ - công cộng khác	5,41	0,20	5,41	0,20
3.1	Đất y tế	0,16	0,01	0,16	0,01
3.2	Đất văn hóa	2,19	0,08	2,19	0,08
3.3	Đất thể dục thể thao	0,55	0,02	0,55	0,02
3.4	Đất chợ	1,00	0,04	1,00	0,04
3.5	Đất công trình dịch vụ - công cộng khác	1,51	0,06	1,51	0,06

Stt	Chức năng sử dụng đất	Đến năm 2030		Đến năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị	0,68	0,03	0,68	0,03
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	14,00	0,53	24,40	0,92
6	Đất giao thông nội bộ	40,65	1,53	44,26	1,66
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	29,12	1,09	44,73	1,68
<b>B</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>125,22</b>	<b>4,71</b>	<b>151,12</b>	<b>5,68</b>
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	44,05	1,66	53,62	2,02
1.1	<i>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	<i>10,10</i>	<i>0,38</i>	<i>19,67</i>	<i>0,74</i>
1.2	<i>Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng</i>	<i>3,95</i>	<i>0,15</i>	<i>3,95</i>	<i>0,15</i>
1.3	<i>Đất cụm công nghiệp</i>	<i>30,00</i>	<i>1,13</i>	<i>30,00</i>	<i>1,13</i>
2	Đất cơ quan trụ sở ngoài đô thị	0,21	0,01	0,21	0,01
3	Đất dịch vụ - du lịch	0,00	0,00	13,70	0,51
4	Đất trung tâm văn hóa - thể thao	3,70	0,14	3,70	0,14
5	Đất di tích lịch sử văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng	10,56	0,40	10,56	0,40
5.1	<i>Đất tôn giáo</i>	<i>2,26</i>	<i>0,08</i>	<i>2,26</i>	<i>0,08</i>
5.2	<i>Đất di tích lịch sử văn hóa</i>	<i>8,30</i>	<i>0,31</i>	<i>8,30</i>	<i>0,31</i>
6	Đất an ninh	0,00	0,00	0,70	0,03
7	Đất quốc phòng	0,62	0,02	1,60	0,06
8	Đất giao thông đối ngoại	66,08	2,48	67,73	2,55
<b>C</b>	<b>Đất nông nghiệp và các chức năng khác</b>	<b>2355,59</b>	<b>88,53</b>	<b>2240,11</b>	<b>84,19</b>
1	Đất sản xuất nông nghiệp	637,97	23,98	573,62	21,56
1.1	<i>Đất trồng lúa</i>	<i>222,26</i>	<i>8,35</i>	<i>205,87</i>	<i>7,74</i>
1.2	<i>Đất trồng cây hàng năm khác</i>	<i>228,32</i>	<i>8,58</i>	<i>180,36</i>	<i>6,78</i>
1.3	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>	<i>187,39</i>	<i>7,04</i>	<i>187,39</i>	<i>7,04</i>
2	Đất lâm nghiệp	1568,48	58,95	1517,98	57,05
3	Đất nuôi trồng thủy sản	32,64	1,23	32,01	1,20
4	Đất chưa sử dụng	11,97	0,45	11,97	0,45
5	Sông, suối, kênh, rạch	104,53	3,93	104,53	3,93

## **7. Định hướng phát triển đô thị và phân khu chức năng**

### **7.1. Định hướng phát triển đô thị**

- Hướng phát triển của đô thị được xác định từ vị trí trung tâm, phát triển chủ yếu về phía Đông và phía Đông Bắc của xã.

- Tuân thủ theo nguyên tắc hình thành và phát triển đô thị phù hợp với địa hình tự nhiên. Hình thái đô thị cơ bản theo dạng tuyến, dựa trên các trục giao thông chính hiện hữu kết hợp xây mới với các liên kết tuần hoàn bằng hệ thống giao thông và không gian chức năng, khai thác hiệu quả quỹ đất xây dựng.

- Rà soát, nâng cấp, đề xuất mở rộng hoặc di dời các khu chức năng hiện có, bổ sung các công trình mới gắn kết và hoàn thiện các khu chức năng phục vụ cho đô thị. Tạo sự liên hệ chặt chẽ giữa khu trung tâm đô thị mới với các khu chức năng của đô thị và vùng lân cận, tạo điều kiện cho đô thị phát triển mạnh mẽ, đồng bộ.

- Phát triển đất ở mới gắn kết với các khu dân cư hiện trạng và các khu chức năng của đô thị, với nhiều loại nhà ở đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số và phù hợp đa dạng đối tượng sử dụng.

### **7.2. Cơ cấu phân khu chức năng**

- Toàn bộ khu vực nghiên cứu lập quy hoạch được phân thành 02 khu chức năng chính:

- Phân khu số 1: Phân khu phía Bắc có diện tích 1.389 ha, chiếm 52,2% tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã. Vị trí giới hạn là toàn bộ phần diện tích phía bên trái Ngòi Bực (theo dòng chảy) đến hết ranh giới của xã. Đây là vành đai sinh thái, bảo tồn cảnh quan lối sống nông nghiệp. Là khu vực phát triển đô thị kết hợp với sản xuất nông, lâm nghiệp. Cải tạo, chỉnh trang, xây dựng đô thị dựa trên các khu vực dân cư hiện hữu với mật độ xây dựng vừa và nhỏ.

- Phân khu số 2: Phân khu phía Nam có diện tích 1.271,89 ha, chiếm 47,8% tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã được xác định là trung tâm đô thị hiện hữu phát triển theo các trục giao thông động lực, bao gồm hệ thống trung tâm hành chính, chính trị, các công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị như: Trung tâm y tế, giáo dục, an ninh, quân sự, trung tâm văn hóa, công viên đô thị,...Phân khu số 2 có vị trí giới hạn là toàn bộ phần diện tích phía bên phải Ngòi Bực (theo dòng chảy) đến hết ranh giới của xã.

### **7.3. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan**

- Không gian đô thị được phân thành 3 vùng cảnh quan chính: Vùng cảnh quan núi cao (gắn với các dãy núi chạy dọc phía Tây Nam của xã); vùng cảnh quan mặt nước (gắn với sông Hồng, suối Ngòi Bực và hệ thống các khe suối nhỏ); vùng cảnh quan đô thị (gắn với các khu vực phát triển dân cư và các khu chức năng đô thị dọc đường tỉnh ĐT.175 và khu vực đầu cầu Mậu A.

- Hình thành các hành lang xanh gắn kết cảnh quan tự nhiên với các công viên lớn, các vườn hoa trong đô thị. Thiết kế không gian xanh gồm 02 chức

năng chủ đạo (chức năng xanh đô thị, du lịch và chức năng sản xuất), bao gồm các không gian sau:

- Chức năng xanh đô thị, du lịch: Vùng cảnh quan công viên trung tâm đô thị; vùng cảnh quan dải cây xanh dọc hai bên suối Ngòi Bực; vùng cảnh quan rừng núi hai bên, cây xanh trên các tuyến, trục không gian chính đô thị.

- Chức năng xanh sản xuất: Khu vực sản xuất nông nghiệp gắn với làng bản dân cư; khu vực rừng sản xuất.

- Các khu vực trung tâm:

- + Trung tâm hành chính: Chính trang mở rộng, cải tạo, nâng cấp các công trình phù hợp với chức năng sử dụng. Không gian bên ngoài trụ sở, khu vực vườn hoa được chỉnh trang nâng cấp phù hợp với giai đoạn trước mắt và dài hạn.

- + Đối với các khu trung tâm dịch vụ thương mại: Tạo không gian thương mại nổi bật, được đặt tại vị trí các khu, trục trung tâm các đơn vị ở, các trục đường chính, cửa ngõ của đô thị với những hình ảnh đặc trưng về không gian kiến trúc về tầng cao và khối tích công trình. Gắn kết hợp lý giữa giao thông công cộng với các hoạt động thương mại đầu mối, đồng thời tạo không gian sinh hoạt cho những sự kiện đa năng. Các công trình xây dựng hiện đại, cao tầng được hợp khối thống nhất. Thiết kế kiến trúc và cảnh quan đặc trưng mang tính biểu tượng.

- Các khu ở mới: Không gian kiến trúc khu dân cư được tổ chức hài hoà với địa hình được phân biệt rõ ràng bởi mạng lưới đường giao thông chính đô thị và được tổ chức liên hệ với nhau theo các tuyến đường khu vực và đường liên khu vực. Tại các đơn vị ở bố trí "lõi" trung tâm bao gồm: Cây xanh, nhà câu lạc bộ khối phố, trường học, trường mầm non, dịch vụ và các sân chơi thể thao.

- Các cửa ngõ vào đô thị gồm 06 vị trí: Cửa ngõ số 1 (phía Bắc) là khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và cầu Mậu A; Cửa ngõ số 2 (phía Tây) nằm trên đường tỉnh ĐT.166 hướng từ xã Yên Hợp vào xã An Thịnh; Cửa ngõ số 3 (phía Đông) nằm trên đường tỉnh ĐT.166 hướng từ xã Tân Hợp vào xã An Thịnh; Cửa ngõ số 4 (phía Đông Nam) nằm trên đường An Thịnh - Yên Phú, hướng từ xã Yên Phú vào xã An Thịnh; Cửa ngõ số 5 (phía Đông Nam) nằm trên đường An Thịnh - Đại Phác, hướng từ xã Đại Phác vào xã An Thịnh; Cửa ngõ số 6 (phía Nam) nằm trên đường tỉnh ĐT.175 hướng từ xã Đại Sơn vào xã An Thịnh.

Không gian khu vực cửa ngõ cần tổ chức ấn tượng, tạo được tầm nhìn vào đô thị trên cơ sở các công trình biểu tượng đón hướng nhìn từ nhiều phía mang biểu trưng về một đô thị xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc.

## **8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật**

### **8.1. Chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật**

#### *a) Cao độ nền và phòng chống lũ:*

- San tạo mặt bằng khu vực quy hoạch đô thị trên cơ sở tôn trọng tối đa địa hình tự nhiên và thuận lợi cho hệ thống thoát nước. Cao độ nền sẽ được xác định chính xác, cụ thể trong quá trình lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết

được đề xuất cụ thể hóa cho phù hợp với điều kiện hiện trạng tự nhiên, quy hoạch và dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Nâng cấp, cải tạo, nắn dòng, mở rộng lòng, nạo vét đáy đảm bảo chiều cao thoát nước của các tuyến thoát nước chính (suối Ngòi Bực). Duy trì các đập thủy lợi hiện trạng (đập Khe Chinh, Khe Vải,...).

b) *Định hướng thoát nước*: Hướng thoát nước chính thoát vào Ngòi Bực và chảy ra sông Hồng. Khu vực phía Nam (thôn Yên Thịnh, giáp xã Đại Phác) thoát vào Ngòi Thia.

## **8.2. Quy hoạch giao thông**

- Giao thông đối ngoại, bao gồm:

+ Tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai hiện hữu, đến năm 2030, đầu tư nâng cấp thành 04 làn xe.

+ Đường tỉnh ĐT.166 quy mô nền đường rộng  $B_n = 20,5m$  (trong đó đoạn qua khu vực phát triển đô thị mới thuộc thôn Công Trào có quy mô nền đường rộng  $B_n = 34m$ ).

+ Quốc lộ 32D (dự kiến nâng cấp từ đường tỉnh ĐT.175 cũ): Chiều dài khoảng 10 km, quy mô nền đường rộng  $B_n = 20,5m$ .

+ Các tuyến giao thông đối ngoại (An Thịnh - Yên Phú; An Thịnh - Đại Phác; An Thịnh - Tân Hợp; An Thịnh - Yên Hợp) quy mô nền đường rộng  $B_n = 17,5m$ .

- Giao thông đô thị: Cải tạo, mở rộng và chỉnh trang hệ thống đường hiện trạng trong khu vực quy hoạch, kết nối khu trung tâm đô thị với các khu vực. Đối với khu trung tâm đô thị hiện hữu cơ bản giữ nguyên về tuyến; thực hiện cải tạo, mở rộng, chỉnh trang hệ thống đường hiện trạng khu trung tâm. Quy mô các tuyến đường có bề rộng nền đường từ  $B_n = 13,5m$  đến  $B_n = 20,5m$ .

Nâng cấp hệ thống đường giao thông liên kết các thôn, liên thông mạng lưới đường xã, thôn xóm với mạng lưới đường quốc lộ, đường tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân trong sinh hoạt và sản xuất.

- Bố trí hệ thống các bãi đỗ xe tĩnh trong các nhóm nhà ở và các khu chức năng đô thị khác tùy theo yêu cầu cụ thể đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan. Quy hoạch bãi đỗ xe tại thôn Yên Thịnh với diện tích 1,3 ha.

- Quy hoạch tuyến đường sắt khổ tiêu chuẩn 1.435mm Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (song song với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai) theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

## **8.3. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị**

- Nguồn điện cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ đường dây 35 kV và 22kV sau trạm 110kV Văn Yên đi qua xã An Thịnh.

- Tổng nhu cầu dùng điện đô thị An Thịnh đến năm 2030 là 4.786 kVA, đến năm 2045 là 15.701 kVA.

- Lưới 22kV, 35kV cung cấp điện cho xã An Thịnh được giữ nguyên đường dây, hướng tuyến và cải tạo hạ ngầm đoạn qua khu vực đầu cầu Mậu A

theo trục đường giao thông nhằm đảm bảo cảnh quan và an toàn lưới điện. Những đoạn tuyến không phù hợp với quy hoạch đường giao thông và quy hoạch sử dụng đất sẽ được cải tạo và điều chỉnh hướng tuyến theo trục đường giao thông đảm bảo cảnh quan và an toàn lưới điện.

- Các trạm biến áp hiện có được giữ nguyên vị trí và tính toán nâng công suất đáp ứng nhu cầu sử dụng. Các trạm biến áp quy hoạch mới được tính toán bố trí phù hợp và được xác định cụ thể khi lập quy hoạch chi tiết, phù hợp với nhu cầu sử dụng.

- Bố trí hệ thống chiếu sáng đô thị theo quy định trên các tuyến phố, khu vực công cộng và hệ thống giao thông; mục tiêu đến năm 2045 xây dựng hệ thống chiếu sáng các tuyến đường đạt 100%.

#### **8.4. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc**

Nâng cấp các trạm truy nhập quang tự động (PON); xây dựng các tuyến cáp quang ngầm dọc các tuyến giao thông, từ trạm trung tâm về trạm truy nhập quang tự động trong khu vực. Cải tạo chỉnh trang các trạm viễn thông hiện có, kết nối bằng tuyến cáp quang ngầm. Toàn bộ mạng truyền dẫn sử dụng cáp quang băng rộng.

#### **8.5. Quy hoạch cấp nước**

- Tổng nhu cầu dùng nước đô thị đến năm 2030 khoảng 2.308,53 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2045 khoảng 4.890,61 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn cấp: Đối với khu vực thôn Đại An, Công Trào sử dụng nguồn nước chung từ thị trấn Mậu A. Khu vực còn lại sử dụng nguồn nước được nâng cấp từ nguồn nước hiện hữu trên địa bàn.

- Định hướng cấp nước: Giai đoạn đến năm 2030, quy hoạch nhà máy xử lý và cung cấp nước sạch tại khu vực trung tâm xã (hiện trạng đang có công trình cấp nước sạch) công suất 2.500m<sup>3</sup>/ngđ. Giai đoạn đến 2045, thực hiện nâng công suất nhà máy nước lên 4.900m<sup>3</sup>/ngđ đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của toàn đô thị. Sau khi xử lý, nước được bơm vào mạng lưới đường ống và cấp cho các khu vực.

- Mạng lưới đường ống được bố trí ngầm, song song với các tuyến đường giao thông. Mạng lưới cấp nước sử dụng mạng vòng kết hợp với mạng cụt. Các trụ cứu hoả ngoài nhà chọn loại nổi đường kính D110, khoảng cách mỗi trụ cứu hoả không nhỏ hơn 150m/trụ.

#### **8.6. Quy hoạch thoát nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang**

##### **a) Thoát nước thải**

- Tổng nhu cầu thoát nước thải đô thị đến năm 2030 là 1.354,14m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2045 là 3.330,91m<sup>3</sup>/ngđ. Hệ thống thoát nước thải trong đô thị là hệ thống thoát nước hỗn hợp.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập chung của khu vực với công suất giai đoạn đến năm 2030 là 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ; đến năm 2045 nâng công suất lên 3.500 m<sup>3</sup>/ngđ. Toàn bộ nước thải sinh hoạt, công cộng,... được thu gom bằng hệ thống cống, chạy dọc theo vỉa hè và dẫn về trạm xử lý.



- Hệ thống thoát nước thải trong các khu chức năng, khu đô thị, khu ở mới thực hiện xử lý nước thải theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

*b) Quản lý chất thải rắn:* 100% chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt yêu cầu. Giảm lượng thải, tăng tái chế, tái sử dụng chất thải rắn. Chỉ chôn lấp chất thải rắn không thể tái chế.

Quy hoạch nhà máy đốt rác công nghệ cao đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn toàn đô thị và các đô thị lân cận tại vị trí thôn An Phú với công suất 35 tấn/ngày, diện tích khoảng 03ha. Toàn bộ chất thải rắn trong đô thị được thu gom, vận chuyển về khu vực xử lý.

*c) Quy hoạch nghĩa trang*

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang Góc Nụ là nghĩa trang tập trung của đô thị, định hướng xây dựng theo hình thức công viên nghĩa trang, diện tích 23,5ha.

- Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, từng bước đóng cửa các nghĩa trang hiện trạng nằm trong đô thị. Di dời các khu mộ nằm rải rác trong khu vực dân cư, khu vực sản xuất nông nghiệp về nghĩa trang tập trung.

**8.7 Tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu**

*a) Tăng trưởng xanh*

- Xây dựng và phát triển đô thị bền vững, văn minh, hiện đại, gìn giữ được các công trình văn hóa, lịch sử, các công trình kiến trúc có giá trị.

- Chú trọng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị xanh, thông minh, giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP. Đề ra các giải pháp hạn chế ùn tắc giao thông, giải quyết tốt úng ngập, ô nhiễm môi trường, tích cực thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình phát triển đô thị theo hướng tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả.

*b) Thích ứng với biến đổi khí hậu*

- Tăng cường không gian xanh đô thị, duy trì các khu vực sản xuất nông nghiệp và đặc biệt bảo vệ các lưu vực thoát nước tự nhiên, duy trì không gian mặt nước, thiết kế thích ứng chống chịu gió bão, thiết kế lưu vực giữ nước phòng chống hạn hán, phục vụ tưới tiêu, vật liệu chịu úng, vật liệu thấm thấu cho lưu vực giữ nước. Kiểm soát tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng.

- Quy hoạch tái định cư cho các khu vực dân cư có khả năng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố biến đổi khí hậu.

- Tính toán cốt nền quy hoạch trên cơ sở xem xét tới thủy văn khu vực và tác động của yếu tố biến đổi khí hậu đến khả năng thoát nước tự nhiên. Nâng cấp hệ thống kè sông, suối và công trình hạ tầng trọng yếu đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Quy hoạch thoát nước mưa, thoát nước thải trên cơ sở tính toán cốt nền thoát nước, vị trí các công trình đầu mối, hướng thoát nước đảm bảo thích ứng được với biến đổi khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan.

## **9. Các giai đoạn đầu tư**

### **9.1. Giai đoạn đến năm 2030**

- Từng bước xây dựng hệ thống hạ tầng khung để thu hút đầu tư vào đô thị An Thịnh. Đầu tư cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông hiện hữu theo quy hoạch, xây dựng mới tuyến đường vành đai cánh đồng; tuyến đường Đồng Tâm - Cánh Chương; tuyến đường Đồng Tâm - An Hòa.

- Mở rộng, cải tạo trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông; xây mới trường trung học cơ sở; Cải tạo, mở rộng chợ An Thịnh.

- Xây dựng mới công trình: Nhà máy cấp nước An Thịnh; trung tâm văn hóa thể thao, công viên trung tâm đô thị; trạm xử lý nước thải; nhà máy đốt rác công nghệ cao.

- Triển khai các dự án phát triển quỹ đất theo quy hoạch.

### **9.2. Giai đoạn 2031 - 2045**

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo định hướng quy hoạch chung.

- Đầu tư mở rộng các công trình di tích đền Đại Bực; chùa Đại An; đền Gò Chùa.

- Phát triển các khu chức năng, khu đô thị, khu ở mới theo định hướng quy hoạch chung.

## **10. Các giải pháp bảo vệ môi trường**

- Phân tích, dự báo các vấn đề môi trường chính có ảnh hưởng trong quá trình triển khai quy hoạch bao gồm: lựa chọn đất xây dựng trong mối liên hệ với phòng chống thiên tai, giảm thiểu ngập úng, sạt lở; ô nhiễm nguồn nước; công tác quản lý chất thải rắn, nước thải, thoát nước, bảo vệ hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên...

- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn..., cải thiện vấn đề môi trường khi thực hiện quy hoạch; đề xuất danh mục các dự án đầu tư xây dựng cần thực hiện đánh giá tác động môi trường; phân đợt đầu tư, khi chưa có kế hoạch phát triển.

- Xây dựng các hướng dẫn, tiêu chuẩn và quy trình bảo vệ môi trường trong các khu chức năng, thiết lập kế hoạch quản lý, giám sát môi trường cho các giai đoạn cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường; Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường theo quy định.

## **11. Thành phần hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ quy hoạch như hồ sơ kèm theo được Sở Xây dựng thẩm định, trình duyệt theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, bao gồm: Thuyết minh quy hoạch, hồ sơ bản vẽ quy hoạch, quy định quản lý theo quy hoạch.

- Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ, được lưu trữ tại Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên và các cơ quan chức năng liên quan để quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan; tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch chung đô thị mới An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2045 để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức triển khai lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, theo đồ án quy hoạch chung được phê duyệt, làm cơ sở để quản lý đất đai, cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy định.


- Xây dựng quy chế quản lý đô thị, chương trình phát triển đô thị, các cơ chế chính sách và kế hoạch thực hiện đầu tư theo từng giai đoạn; tập trung huy động các nguồn lực để triển khai việc đầu tư xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch đã phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án đầu tư, phát triển đô thị theo quy hoạch đã phê duyệt đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành.

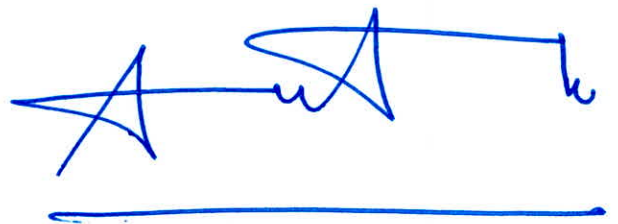
**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:* 

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Chánh, PCVP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, TNMT, XD. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Huy Tuấn**